TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 418/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Ngọc T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: tổ G, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lê Hoài N, sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ G, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thái Ngọc T trình bày: Chị và anh Lê Hoài N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra xô xát, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, từ đó cuộc sống ai người đó lo, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu

cầu được ly hôn với anh Lê Hoài N.

Về con chung: Anh chị có với nhau 02 con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày: 11/02/2009; Lê Thái Ngọc Uyên N1, sinh ngày: 16/4/2010. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Thái Ngọc Uyên N1 và giao cháu Lê Tiến Đ cho anh N nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Chị Thái Ngọc T trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thái Ngọc T trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hoài N được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Lê Hoài N vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Lê Hoài N đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thái Ngọc T.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho cho chị Thái Ngọc T được ly hôn với anh Lê Hoài N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày: 11/02/2009; Lê Thái Ngọc Uyên N1, sinh ngày: 16/4/2010. Hiện cháu N1 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chị T yêu cầu được nuôi cháu N1; cháu Đ đang do anh N nuôi dưỡng và chị T đồng ý giao cháu Đ cho anh N nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Tiến Đ cho anh N nuôi dưỡng và giao cháu Lê Thái Ngọc Uyên N1 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T trình bày không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Thái Ngọc T trình bày không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung chị Thái Ngọc T trình bày không có, anh Lê Hoài N không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Chị Thái Ngọc T khởi kiện anh Lê Hoài N về việc Ly hôn và tranh chấp con chung. Do đó, quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Hoài N có nơi cư trú tại tổ G, ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Thái Ngọc T khởi kiện anh Lê Hoài N, nên xác định chị T là nguyên đơn, anh N là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Thái Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thái Ngọc T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt anh Lê Hoài N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Ngọc T và anh Lê Hoài N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: chị Thái Ngọc T trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra xô xát, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị không còn dành tình cảm cho nhau, không tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, từ đó cuộc sống ai người đó lo, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoài N.

Tại Biên bản xác minh ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại ấp T, xã X (bút lục số 23) thể hiện anh N hiện nay đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân hiện nay chị Thái Ngọc T và anh Lê Hoài N không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Hoài N đến tham gia các buổi làm việc, xét xử nhưng anh N vắng mặt không có lý do chính đáng. Thấy rằng, chị T cương quyết xin ly hôn nhưng anh N không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mặc dù Tòa án đã cho thời gian để anh N và chị T đoàn tụ vợ chồng nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc và anh N cũng thờ ơ về việc chị T xin ly hôn với anh nên không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Anh chị có 02 con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày: 11/02/2009; Lê Thái Ngọc Uyên N1, sinh ngày: 16/4/2010. Chị T yêu cầu được nuôi con chung là cháu N1 và giao cháu Đ cho anh N nuôi. Xét thấy, hiện nay cháu N1 đang ở với chị T và cháu Đ đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay nên tiếp tục giao cháu Lê Thái Ngọc Uyên N1 cho chị Thái Ngọc T nuôi dưỡng và giao cháu Lê Tiến Đ cho anh Lê Hoài N nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con để nuôi cháu N1 và chị T cũng không cấp dưỡng cho anh N để nuôi cháu Đ. Anh N không có lời khai về con chung và về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Thái Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Thái Ngọc T trình bày không có. Anh Lê Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Thái Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Thái Ngọc T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Ngọc T được ly hôn với anh Lê Hoài N

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 280, quyển số 01/2008, ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Lê Tiến Đ, sinh ngày: 11/02/2009 cho cha là anh Lê Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Giao con chung là cháu Lê Thái Ngọc Uyên N1, sinh ngày: 16/4/2010 cho mẹ là chị Thái Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết.

Chị Thái Ngọc T, anh Lê Hoài N được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn

được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thái Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thái Ngọc T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007739 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Thái Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Thái Ngọc T, anh Lê Hoài N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải